TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03 /2019/DS-ST
Ngày 20 - 03 -2019
V/v tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Đông Cúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Phúc.

2. Ông Phan Ngọc Thành.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa:

Bà Hồ Thị Thuần – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 24 tháng 01 năm 2019 và ngày 20 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2017/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2017 về việc:"Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2018/QĐXX-ST ngày 26 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Bà Trần Thị B, sinh năm: 1956

2. Anh Đỗ Văn H, sinh năm: 1974

3. Chị Đỗ Thị Kim D, sinh năm: 1978

4. Anh Đỗ Văn P, sinh năm: 1981

Cùng địa chỉ: ấp X, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

5. Chị Đỗ Thị T, sinh năm: 1987

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Đỗ Thị Kim D, anh Đỗ Văn P, chị Đỗ Thị T, anh Đỗ Văn H: bà Trần Thị B, sinh năm: 1956.

Địa chỉ: ấp X, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: bà Thái Thị L, sinh năm: 1944 (chết).

Địa chỉ: ấp X, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà L*:

1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1966

2. Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1971

3. Anh Nguyễn Hữu P, sinh năm: 1973.

4. Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm: sinh năm: 1975.

5. Anh Nguyễn Anh T, sinh năm: 1978.

Cùng địa chỉ: ấp X, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Trần Thị V, sinh năm: 1965.

2. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm: 1998

3. Chị Nguyễn Thu T, sinh năm: 1990

4. Anh Nguyễn Minh H, sinh năm: 1995

Cùng địa chỉ: ấp X, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

Bà B có mặt. chị Nguyễn Thị Cẩm T có mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà L: chị Trần Thị V, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Thanh H, anh Nguyễn Hữu P, anh Nguyễn Anh T, chị Nguyễn Thị M, chị Nguyễn Thu T, anh Nguyễn Minh H vắng mặt lần thứ 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 02/10/2017 và đơn xin thay đổi yêu cầu ngày 24/01/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị B và cũng là người người đại diện theo ủy quyền của chị Đỗ Thị Kim D, anh Đỗ Văn P, chị Đỗ Thị T, anh Đỗ Văn H trình bày:

Vào năm 1991 bà B và chồng bà là ông Đỗ Văn H1 có nhận sang nhượng đất lúa của bà M và ông S tại thửa 1297, tờ bản đồ số 02, có chiều ngang 39 m, chiều dài 79m, tổng diện tích 3.081m^2, không làm giấy tờ. Khi nhận chuyển nhượng thì chưa được cấp giấy CNQSD đất. Đến 1994 có chủ trương kê khai đăng ký QSD đất thì được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy CNQSD đất. Ngoài ra ông bà còn sang nhượng thêm bà M và ông S phần đất tại thửa số 1295, chiều ngang 7m x dài 29m, tổng diện tích 203m^2 nhưng đến nay chưa được cấp giấy CNQSD đất.

Sau khi nhận chuyển nhượng đất từ năm 1991 gia đình bà quản lý và sử dụng, đến năm 2001 thì bà L lấn chiếm ranh đất của bà phía giáp đường nước chiều ngang

1,3m x chiều dài 79m, thuộc một phần của thửa số 1297. Đối với thửa 1295 phía giáp Quốc lộ 30 bà L lấn chiếm có chiều ngang 1,52m x chiều dài 29m.

Nay bà B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L trả lại cho bà diện tích đất lấn chiếm theo đo đạc thực tế ngang 1,3m x chiều dài 79m, tổng diện tích 102,7m^2 thuộc một phần của thửa số 1297, tờ bản đồ số 2, tổng diện tích 3.081 m^2 do bà B đứng tên. Buộc bà L trả lại cho bà diện tích đất lấn chiếm hướng giáp Quốc lộ 30 chiều ngang 1,52m x chiều dài 26,58m, tổng diện tích 36m^2 đất chưa được cấp giấy CNQSD đất nhưng do ông Đỗ Văn H1 (chồng bà B) đứng tên trên sổ mục kê.

Phiên tòa hôm nay bà B cho rằng đối với cây gáo và hàng bạch đàn trồng trên bờ hầm của bà hiện còn gốc lên nhánh, là do bà trồng nay bà yêu cầu tiếp tục sử dụng. Các cây còn lại bà L trồng trên đất bà L, bà không tranh chấp. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Bị đơn bà Thái Thị L hiện nay đã chết, tuy nhiên trước đây bà có ý kiến như sau:

Nguồn gốc đất hiện nay bà B tranh chấp ranh đất với bà tại thửa 1296, tờ bản đồ số 02, bà được cha chồng là ông Nguyễn Văn H cho có chiều ngang là 20m, dài 100m, tổng diện tích là 2.000m^2, bà không nhớ rõ cho thời gian nào nhưng bà đã sử dụng từ năm 18 tuổi đến nay. Năm 1994, bà kê khai đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy CNQSD đất do bà đứng tên. Tứ cận thửa đất có mốc giới ranh giới rõ ràng. Phần đất giáp với ông Nguyễn Văn H1 có trụ đá ranh hai đầu trong và ngoài. Phần giáp với đất bà B hiện nay đang sử dụng có ranh là cây Gáo (nằm đầu trong). Bà sử dụng ổn định từ trước đến nay, không ai tranh chấp. Nay bà B cho rằng bà lấn đất và yêu cầu bà trả lại, bà không đồng ý.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà L chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày: Nguồn gốc đất là do ông bà để lại cho bà L, có chiều ngang là 20m, dài 100m, bà L sử dụng từ trước đến nay. Đối với hàng bạch đàn và cây gáo do bà L và ông Đ trồng trước đây. Nay bà B cho rằng bà L lấn đất và yêu cầu bà L trả lại, chị không đồng ý. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu bà B thì chị đốn cây trả đất cho bà B, các cây còn lại bà L trồng trên đất bà L, chị không có ý kiến. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà L và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: chị Trần Thị V, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Thanh H, anh Nguyễn Hữu P, anh Nguyễn Anh T, chị Nguyễn Thị M, chị Nguyễn Thu T, anh Nguyễn Minh H đến nay không có văn bản ý kiến gởi đến Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay bà B, chị Nguyễn Thị Cẩm T khẳng định đã xuất trình đầy đủ các chứng cứ cho Tòa án xem xét và không cung cấp chứng cứ gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà B có đơn khởi kiện đối với bà L cùng địa chỉ: ấp X, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Theo quy định tại khoản 9 Điều 26, Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: chị Trần Thị V, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Thanh H, anh Nguyễn Hữu P, anh Nguyễn Anh T, chị Nguyễn Thị M, chị Nguyễn Thu T, anh Nguyễn Minh H không có mặt tại phiên tòa hôm nay. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà B khởi kiện cho rằng bà L lấn ranh đất nên nay bà B yêu cầu bà L trả lại diện tích đất đã lấn cho bà B. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất theo Điều 175 của Bộ luật dân sự năm 2015 là có căn cứ.

[4] Về nội dung: Bà B yêu cầu bà L trả lại đất đã lấn cho bà B chiều ngang phía giáp đường nước là 1,3m, chiều ngang phía giáp Quốc lộ 30 là 1,52m và chiều dài là 106,69m, tổng diện tích là 132m^2 đất thuộc một phần thửa 1297, 1295, cùng tờ bản đồ 02, nằm trong tổng diện tích 3.081m^2 do bà B đứng tên GCNQSD đất và ông H đứng tên trên sổ mục kê. Bị đơn bà L không đồng ý theo yêu cầu của bà B, yêu cầu giữ nguyên hiện trạng.

[5] Qua thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa hôm nay xét thấy: Đất bà B có nguồn gốc là nhận chuyển nhượng của bà M và ông S vào năm 1991, không có làm giấy tờ, đến năm 1994 bà B kê khai đăng ký và được UBND huyện cấp giấy CNQSD đất diện tích 3.081m^2, tại thửa 1297. Bà B cho rằng bà nhận chuyển nhượng đất từ bà M, ông S phần đất có chiều ngang 39m, dài 79m.

Năm 1999 bà B chuyển nhượng lại cho ông Đ cũng không có đo đạc, cũng không chuyển quyền sang tên, ông Đ quản lý, sử dụng đến năm 2011 thì chuyển nhượng lại cho bà B. Qua đo đạc thực tế bà B sử dụng đất diện tích 2.995m^2, tại thửa 1297, thiếu 86m^2 theo GCNQSD đất, đối với thửa 1295 bà B cho rằng nhận chuyển nhượng diện tích chiều ngang 07m, dài 29m, tổng diện tích 203 m^2 đất chưa được cấp giấy CNQSD đất. Qua đo đạc thực tế bà B sử dụng diện tích 135m^2.

Đối với đất bà L có nguồn gốc do cha chồng cho. Đến năm 1994, bà L được UBND huyện cấp GCNQSD đất với diện tích 2.000m^2, bà L cho rằng đất bà sử dụng có chiều ngang là 20m, chiều dài 100m.

[6] Quá trình sử dụng đất: Trên đất tranh chấp bà B, bà L xác định ở vị trí hướng giáp Quốc lộ 30 bà L có trồng cây me, hiện nay còn gốc. Tuy nhiên bà B cho rằng bà L trồng cây trên đất của bà, khi bà L trồng cây bà cũng không có ý kiến. Vị trí mép ngoài gốc me cách mốc 17 có chiều dài là 0,2m, và mép ngoài gốc me cách mốc 18 là 1,2m. Ngoài ra không còn công trình, cây trồng trên đất tranh chấp.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy: Ủy ban nhân dân huyện T cung cấp thông tin cho Tòa án xác định cấp giấy CNQSD đất (lần đầu) số vào sổ 00487/A 3, cấp ngày 18/3/1994 cho hộ ông Đỗ Văn H1 tại thửa 1297, diện tích 3.081 m^2 , tờ bản đồ số 02, mục đích sử dụng: 2L, đất tọa lạc tại xã A là cấp theo hồ sơ địa chính 299 và được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tại thời điểm cấp Giấy. Việc chuyển quyền sử dụng đất thửa 1297 từ hộ ông Đỗ Văn H1 sang bà B không có biến động về diện tích. Đối với thửa 1295 chưa được cấp giấy nay có như cầu cấp giấy thì liên hệ Uỷ ban xã A để được xem xét, giải quyết theo quy dịnh pháp luật.

Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy CNQSD đất (lần đầu) số vào sổ 00668/A3, cấp ngày 18/3/1994 cho bà Thái Thị L tại thửa 1296, diện tích 2.000/4.500m^2 , tờ bản đồ số 02, mục đích sử dụng: LNK, đất tọa lạc tại xã A là cấp theo hồ sơ địa chính 299 và được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tại thời điểm cấp Giấy.

[8] Từ thông tin Ủy ban huyện Tam Nông cung cấp, qua thực tế xác định bà B nhận chuyển nhượng tại thửa 1297 từ bà M, ông S vào năm 1991 không làm giấy tờ nên không có cơ sở thể hiện chiều ngang, dài cụ thể. Đối với thửa 1295 có làm giấy tay nhưng không thể hiện chiều ngang, chiều dài như bà B trình bày. Đối với đất bà L cũng không có cơ sở chứng minh cha chồng cho diện tích chiều ngang 20m, dài hơn 100m như bà L trình bày. Ngoài ra, vào năm 2012 khi phát sinh tranh chấp tại Tòa án, giữa bà B và bà L thỏa thuận chia đôi diện tích đất tranh chấp nên Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án vào năm 2014 theo quyết định đình chỉ số: 45/2014/QĐST- DS ngày 29/7/2014 nhưng sau đó phía bà L không đồng ý, bà B tiếp tục gởi đơn khởi kiện lại. Mặt khác do bà B và bà L không có cơ sở chứng minh diện tích sử dụng theo trình bày của các bên, hơn nữa Ủy ban nhân dân huyện T cung cấp thông tin cho Tòa án xác định việc cấp GCNQSD đất cho bà B và bà L là cấp theo hồ sơ địa chính 299, nghĩa là không đi khảo sát, đo đạc thực tế. Phiên tòa hôm nay bà B, chị Nguyễn Thị Cẩm T cho rằng khi cấp QSD đất cán bộ địa chính không có đo đạc. Từ những căn cứ nêu trên có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà B đối với bà L chia đôi diện tích đất tranh chấp là có căn cứ.

[9] Do đó xác định ranh đất và quyền sử dụng đất, không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng giữa bà B và bà L được xác định như sau:

Hướng Đông giáp đường nước đo từ mốc số 3 đo qua mốc số 4 có chiều dài 0,65m gọi là điểm A. (Điểm A cách mốc 3 có chiều dài là 0,65m, cách mốc số 4 cũng có chiều dài là 0,65m).

Hướng Tây giáp Quốc lộ 30 đo từ mốc số 17 đo qua mốc số 18 có chiều dài 0,76m gọi là điểm B. (Điểm B cách mốc 17 có chiều dài là 0,76m, cách mốc số 18 cũng có chiều dài là 0,76m).

Đường thẳng nối điểm A và điểm B có chiều dài là 106,69m là ranh chung giữa hai bên.

[10] Về cây trồng, vật, công trình trên đất tranh chấp: Trên đất tranh chấp còn gốc me do bà L trồng trước đây, ngoài ra không còn tài sản nào khác, cây gáo và hàng cây bạch đàn trồng trên đất còn lại của bà B hiện nay còn gốc. Tại phiên tòa

hôm nay bà B cho rằng hàng bạch đàn hiện còn gốc lên nhánh và cây gáo là do bà trồng nay bà yêu cầu được tiếp tục sử dụng.

Phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị Cẩm T cho rằng hàng bạch đàn còn gốc và 02 cây gáo là do bà L và ông Đ trồng, nếu tòa xác định các cây trên đất bà B thì chị đốn cây trả đất cho bà B. Xét thấy, gốc me bà L đã đốn hiện còn gốc, đối với 02 cây gáo và hàng bạch đàn trồng trên bờ hầm bà B. Vào năm 2014 giữa bà B và bà L thỏa thuận chia cây bà B và bà L đã đốn sử dụng hiện chỉ còn gốc, nay đã lên nhánh nhỏ, không có giá trị lớn. Ngoài ra bà B và bà L không có cơ sở chứng minh là do các bên trồng. Tuy nhiên, qua xem xét thẩm định tại chỗ cây gáo và hàng bạch đàn còn gốc trồng trên đất còn lại của bà B, không nằm trên đất tranh chấp. Do đó giao cho bà B tiếp tục sử dụng 02 cây gáo và hàng bạch đàn còn gốc là có căn cứ.

Các cây trồng còn lại bà B cho rằng bà L trồng trên đất bà L, bà B, chị Nguyễn Thị Cẩm T cũng không tranh chấp, nên không xem xét giải quyết.

[11] Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo trình tự thủ tục quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chia đôi diện tích đất tranh chấp, giao bà B quản lý và sử dụng cây gáo và hàng bạch đàn còn gốc đang lên nhánh. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

[12] Từ những chứng cứ nêu trên có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà B đối với bà L.

[13] Về giá đất tranh chấp: Căn cứ vào biên bản định giá đất tranh chấp có giá là 100.000 đồng/1m^2.

[14] Về chi phí đo đạc đất số tiền 1.833.000đ bà B đã nộp xong, do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nên mỗi bên chịu ½ chi phí đo đạc, các con bà L gồm: anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Thanh H, anh Nguyễn Hữu P, chị Nguyễn Thị Cẩm T, anh Nguyễn Anh T có trách nhiệm liên đới trả cho bà B số tiền đo đạc là 916.000đ.

[15] Về án phí: căn cứ Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/ UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009, Điều 48 Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Do yêu cầu của bà B và các nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bà B và các nguyên đơn phải chịu án phí của phần không được Tòa án chấp nhận số tiền là 330.000đ. Tuy nhiên, bà B được miễn nộp tiền án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi (từ đủ 60 tuổi trở lên), người còn lại anh Đỗ Văn H, chị Đỗ Thị Kim D, anh Đỗ Văn P, chị Đỗ Thị T, phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 264.000đ. Các con bà L gồm: anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Thanh H, anh Nguyễn Hữu P, chị Nguyễn Thị Cẩm T, anh Nguyễn Anh T liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 330.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 9 Điều 26, Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

- Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1/- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B đối với bà Thái Thị L về việc tranh chấp ranh đất.

2/- Ranh đất, quyền sử dụng đất, không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng giữa bà Trần Thị B và bà Thái Thị L được xác định như sau:

Hướng Đông giáp đường nước đo từ mốc số 3 đo qua mốc số 4 có chiều dài 0,65m gọi là điểm A. (Điểm A cách mốc 3 có chiều dài là 0,65m, cách mốc số 4 cũng có chiều dài là 0,65m).

Hướng Tây giáp Quốc lộ 30 đo từ mốc số 17 đo qua mốc số 18 có chiều dài 0,76m gọi là điểm B. (Điểm B cách mốc 17 có chiều dài là 0,76m, cách mốc số 18 cũng có chiều dài là 0,76m).

Đường thẳng nối điểm A và điểm B có chiều dài 106,69m là ranh chung giữa hai bên.

3/- Giao cho bà Trần Thị B được sử dụng 02 cây gáo và 29 gốc bạch đàn (lên 58 nhánh) quản lý và sử dụng.

(Có sơ đồ và biên bản đo đạc 09/01/2018 kèm theo).

4/- Anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Thanh H, anh Nguyễn Hữu P, chị Nguyễn Thị Cẩm T, anh Nguyễn Anh T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị B chi phí đo đạc đất số tiền là 916.000đ (Chín trăm mười sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5/- Về án phí:

- Anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Thanh H, anh Nguyễn Hữu P, chị Nguyễn Thị Cẩm T, anh Nguyễn Anh T, liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 330.000đ (Ba trăm ba mươi nghìn đồng).

- Bà Trần Thị B được miễn nộp tiền án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi (từ đủ 60 tuổi trở lên).

- Anh Đỗ Văn H, chị Đỗ Thị Kim D, anh Đỗ Văn P, chị Đỗ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 264.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 17113 ngày 6/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh

Đồng Tháp. Anh Đỗ Văn H, chị Đỗ Thị Kim D, anh Đỗ Văn P, bà B, chị Đỗ Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn lại là 12.000đ (Mười hai nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND T.Đồng Tháp;
- VKSND H.Tam Nông;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Đông Cúc

Nơi nhận:
- TAND T.Đồng Tháp;
- VKSND H.Tam Nông;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Đông Cúc

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Châu Thị Đông Cúc